

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 4 – 2026

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18b/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn 6B, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 6B, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 15/5/2012 theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu bà L và ông T chung sống rất hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà L và ông T luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông T nhiều lần đánh đập, xúc phạm bà L.

Bà L và ông T đã sống ly thân từ tháng 5/2024 cho tới nay. Bà L cho biết hiện ông T đang làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Ông T đi làm xa, chỉ về thăm các con và đưa đón các con đi chơi chứ không về nhà ở. thỉnh thoảng ông T có gửi tiền về cho các con ăn tết, mua sắm. Giữa ông T và bà L không liên lạc từ lâu nên tình cảm hiện nay không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, đời sống chung không thể kéo dài. Vậy nên, bà Phạm Thị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà L và ông T có với nhau 03 người con chung là Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 11/02/2011, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 25/12/2021.

Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con đến khi đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ để đến Tòa án làm việc nhưng ông T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với nhau; Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 11/02/2011, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Nhật M, sinh

ngày 25/12/2021 cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Thôn 6B, xã E, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T vào ngày 15/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K (Nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình; Mặt khác, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra cãi vã, ông T có đánh đập, xúc phạm bà L. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà L và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2024 cho tới nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 03 con chung là Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 11/02/2011, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 25/12/2021. Hiện nay các con chung đang sống cùng bà L, được bà L

chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như xác minh tại địa phương và biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu thể hiện bà L nuôi dưỡng cả ba con phát triển tâm sinh lý khỏe mạnh, các con đều được đi học đầy đủ. Xét thấy bà L đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con trưởng thành. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con của bà L. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 11/02/2011, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 25/12/2021 cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003148 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- Cơ quan THA.DS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA.DS KV 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà